TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21/3/2018
V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thanh Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đặng Tấn Phước**

Ông **Nguyễn Thiện Hoàn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Sang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **21** tháng **3** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm: 1996.

Cư trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm: 1992.

Cư trú: Ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa bà D có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai bà Lê Thị Mỹ D, trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông K được hình thành là do hai bên tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2013, chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông K chỉ biết ăn chơi mà không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình và hiện tại ông K đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện của tỉnh An Giang tại xã L, huyện T, tỉnh An Giang. Bà và ông K đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông K nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà với ông K có 01 con chung tên: Lê Thị Kim L, sinh ngày: 14/12/2015. Hiện cháu L đang sống chung với bà. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà và ông K không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn như lời bà D trình bày. Ông và bà D đến nay chưa đăng ký kết hôn. Nay ông cũng không còn tình cảm với bà D nên đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông với bà D có 01 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời bà D trình bày. Hiện con chung đang sống chung với bà D. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà D nuôi, ông không cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông và bà D không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà D cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên toà hôm nay: Bà D vẫn bảo lưu ý kiến. Ông K vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt ông K theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị HĐXX không công nhận bà Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn K là quan hệ vợ chồng; giao cháu Lê Thị Kim L cho bà D được tiếp tục nuôi và công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông Khang cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà D yêu cầu được ly hôn với ông K. Ông K cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của bà D xin ly hôn với ông K, HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông K được xác lập do hai bên tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng bà D và ông K cùng xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông bà phù hợp với giấy xác nhận ngày 07/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã K và giấy xác nhận ngày số 07/GXN-UBND ngày 30/8/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận bà D và ông K là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà D về việc nuôi cháu Lê Thị Kim L, sinh ngày: 14/12/2015. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu L sống

chung với bà D, tình cảm giữa bà, cháu L đã thật sự gắn bó và ông K cũng đồng ý giao con chung cho bà D được tiếp tục nuôi. Do đó, để đảm bảo sự chăm sóc cho cháu, cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, sự ổn định về mặt tâm lý, sự gắn bó giữa tình cảm mẹ con. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu L cho bà D được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà P không yêu cầu nên Hội đồng xét thấy nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của đương sự.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết:

Bà D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D và ông K xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: ***Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.***

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Lê Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn K là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Bà D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Thị Kim L, sinh ngày: 14/12/2015.

Công nhận sự tự nguyện của bà D về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số 0010888 ngày 24/10/2017.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/3/2018) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn

kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND (2);
- TAND tỉnh (1);
- Chi cục THADS (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

(đã ký)

Lê Thanh Hoàng